

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **47**/2019/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày **10** tháng **10** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ...
Ngày: 14/10/2019.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;
Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BKH&CN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKH&CN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017 của Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 28/TTr-SKH&CN ngày 11 tháng 7 năm 2019, Văn bản số 195/VB-KSTT ngày 28/6/2019 của Văn phòng UBND tỉnh v/v tham gia ý kiến quy định thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản QPPL; Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật số 137/BC-STP ngày 05/7/2019 của Sở Tư pháp; Văn bản số 311/SKH&CN-QLKH ngày 10/9/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ v/v giải trình, hoàn thiện dự thảo "Quyết định ban hành quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 / 10 /2019 và thay thế Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Quy định về quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *ĐC*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- VP Chính phủ;
- Bộ KH&CN;
- Website Chính phủ;
- Cục KTVB- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Thành viên HĐ KH&CN tỉnh;
- Báo, Đài, Cổng TTGT Điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX2. *h*

(5b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trì

QUY ĐỊNH

Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **47**/2019/QĐ-UBND ngày **10** tháng **10** năm 2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh dưới các hình thức đề tài KH&CN cấp tỉnh (bao gồm cả đề tài tiềm năng cấp tỉnh); dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; đề án khoa học cấp tỉnh; dự án KH&CN cấp tỉnh (bao gồm cả dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh); chương trình KH&CN cấp tỉnh; các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở dưới các hình thức đề tài cơ sở hoặc dự án KH&CN cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước; các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm trên cơ sở dự toán nguồn ngân sách nhà nước được duyệt và các nguồn kinh phí khác cân đối cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong năm kế hoạch và các năm tiếp theo tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt.

2. Các nhiệm vụ KH&CN phải có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương; đồng thời đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN.

3. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm quá hai (02) nhiệm vụ KH&CN (đối với cấp tỉnh) và chỉ làm chủ nhiệm không quá 01 nhiệm vụ KH&CN (đối với cấp cơ sở). Tùy theo tính chất, mức độ thực hiện của nhiệm vụ KH&CN, mỗi nhiệm vụ KH&CN có thể được bố trí người chủ trì theo hình thức chủ nhiệm; chủ nhiệm và các đồng chủ nhiệm hoặc ban chủ nhiệm. Việc xác định hình thức người chủ trì do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

4. Nhiệm vụ KH&CN có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, thời gian thực hiện tối đa không quá 60 tháng (05 năm) đối với tất cả các loại hình nhiệm vụ KH&CN nêu tại Khoản 1, Điều 1 Quy định này. Trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh quyết định phê duyệt.

5. Việc xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do Hội đồng KH&CN tỉnh xem xét, thông qua trên cơ sở kết quả của Hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, làm căn cứ để Cơ quan Thường trực Hội đồng KH&CN tỉnh (Sở KH&CN) tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt. Việc xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do Hội đồng KH&CN cấp cơ sở xem xét, thông qua và Thủ trưởng cơ sở phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Căn cứ hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:

- a) Nhiệm vụ KH&CN do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đặt hàng.
- b) Nhiệm vụ KH&CN do các bộ, ngành Trung ương chỉ đạo phối hợp thực hiện.
- c) Nhiệm vụ KH&CN do các tổ chức, cá nhân đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

- a) Nhiệm vụ KH&CN do các Sở, ban, ngành, huyện ủy, HĐND và UBND huyện, thành phố đặt hàng.
- b) Nhiệm vụ KH&CN do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.
- c) Nhiệm vụ KH&CN do các tổ chức, cá nhân đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng.

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở

1. Yêu cầu chung:

- a) Có tính khoa học, tính sáng tạo (tính mới), tính cần thiết.
- b) Phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương.
- c) Có nội dung không trùng lặp với các nhiệm vụ đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu cụ thể:

- a) Đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật cần đáp ứng một trong những yêu cầu sau: Giải quyết các vấn đề KH&CN mới ở trình độ tiên tiến hơn so với địa phương hoặc trong nước; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; sản phẩm dự kiến được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng khác) hoặc văn bằng bảo hộ giống cây trồng; tạo chuyển biến về năng suất, chất lượng, có hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động đến sự phát triển của từng lĩnh vực kinh tế - xã hội.

b) Đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, áp dụng chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khác: Sản phẩm KH&CN đảm bảo tính mới, tính tiên tiến hơn so với các kết quả đã được tạo ra tại địa phương hoặc trong nước; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội; tạo tiền đề cho việc hình thành ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

d) Dự án sản xuất thử nghiệm: Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích; công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt; có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

đ) Dự án KH&CN: Kết quả phải giải quyết vấn đề KH&CN phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển KH&CN của tỉnh, ngành, địa phương. Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.

e) Đề án khoa học: Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, áp dụng chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

f) Chương trình KH&CN: Kết quả phải giải quyết vấn đề KH&CN phục vụ phát triển và ứng dụng KH&CN trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án KH&CN.

3. Các nhiệm vụ KH&CN được ưu tiên xem xét

a) Có tính cấp thiết và các kết quả tạo ra phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương.

b) Các kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh, ngành, địa phương.

c) Các kết quả nghiên cứu có tác động nâng cao trình độ công nghệ về một ngành, lĩnh vực hoặc một nhóm doanh nghiệp có ảnh hưởng đến nền kinh tế của tỉnh, ngành, địa phương.

d) Các kết quả nghiên cứu có sự ảnh hưởng lớn đến phát triển xã hội hoặc thúc đẩy phát triển tiềm lực KH&CN của ngành, lĩnh vực của tỉnh, ngành, địa phương.

đ) Các vấn đề khoa học có huy động thêm nguồn lực KH&CN (nhân lực, nguồn lực tài chính, năng lực tổ chức nghiên cứu) ngoài kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh, ngành, địa phương.

e) Có đơn vị cam kết ứng dụng sản phẩm. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách có hiệu quả sản phẩm tạo ra.

Điều 5. Điều kiện, yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở trước đây đã kết thúc.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở khác đã kết thúc do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có) mà không có lý do chính đáng và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh); có trình độ cao đẳng trở lên (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở).

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực KH&CN phù hợp với nội dung nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở trong 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở.

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN do tổ chức chủ trì lựa chọn và chịu trách nhiệm; đối với nhiệm vụ KH&CN có duy nhất chủ nhiệm, cá nhân tham gia chủ trì

nhiệm vụ KH&CN phải chịu sự quản lý của tổ chức chủ trì nhiệm vụ; đối với nhiệm vụ KH&CN có chủ nhiệm và đồng chủ nhiệm hoặc ban chủ nhiệm thì cá nhân tham gia đồng chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải chịu sự quản lý của tổ chức chủ trì nhiệm vụ, tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ hoặc tổ chức có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN.

Trường hợp đặc biệt khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c, d Khoản 3 này do cơ quan có thẩm quyền của tỉnh, ngành, địa phương quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm của 02 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở khác.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở khác đã kết thúc do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có) mà không có lý do chính đáng và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Có nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ KH&CN được ghi theo nhóm ký hiệu sau: XX/YYYYYY/ZZZZ, trong đó:

1. Ký hiệu XX.. là nhóm chữ số ghi số thứ tự của nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt hàng năm.

2. Ký hiệu YYYYYY là nhóm chữ ghi theo phân loại tên nhiệm vụ KH&CN như sau:

- Đề tài KH&CN ký hiệu là ĐTKHVP.
- Dự án KH&CN ký hiệu là DAKHVP.
- Dự án sản xuất thử nghiệm ký hiệu là DASXVP.
- Đề án khoa học ký hiệu là ĐAKHVP.
- Chương trình KH&CN ký hiệu là CTKHVP.

3. Ký hiệu ZZZZ là nhóm chữ số ghi năm thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN thực hiện từ 2 năm trở lên thì ghi năm bắt đầu - năm kết thúc. Ví dụ: 2018-2019.

4. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, ngoài ký hiệu như quy định ở Khoản 1 và Khoản 3 Điều này, được quy định cụ thể như sau:

- Đề tài KH&CN cơ sở ký hiệu là ĐTKHCSVP.
- Dự án KH&CN cơ sở ký hiệu là DAKHCSVP.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Mục 1

XÁC ĐỊNH, TUYỂN CHỌN VÀ PHÊ DUYỆT CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 7. Thông báo đề xuất, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; hướng dẫn của Bộ KH&CN; định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Hàng năm hoặc đột xuất, Sở KH&CN thông báo, hướng dẫn các định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ưu tiên, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu của tỉnh trên Cổng Thông tin Giao tiếp điện tử tỉnh, Website của Sở KH&CN và trực tiếp bằng văn bản đến các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các tổ chức KH&CN, các tổ chức, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong và ngoài tỉnh biết để nghiên cứu, đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cần thực hiện.

2. Tổ chức, cá nhân đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN theo mẫu do Sở KH&CN hướng dẫn và gửi trực tiếp về Sở KH&CN tổng hợp.

Điều 8. Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện

1. Hết thời gian đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng theo thông báo, Sở KH&CN tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KH&CN đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng, tổ chức xem xét, lựa chọn danh mục thông qua Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc Phó Giám đốc Phụ trách trong trường hợp chưa có Giám đốc) thành lập Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN để loại bỏ những nhiệm vụ có nội dung nghiên cứu không đáp ứng các yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

3. Thành phần Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN có từ 7 đến 9 thành viên, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 thành viên có chuyên môn sâu là ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác. Thành phần cụ thể do Giám đốc Sở KH&CN quyết định cho phù hợp.

4. Phiên họp của Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN được tiến hành khi có ít nhất từ 2/3 trở lên số thành viên tham dự (trong đó phải có Chủ tịch

hoặc Phó chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền và ủy viên thư ký khoa học tham dự). Hội đồng làm việc theo hình thức tập trung, biểu quyết theo đa số hoặc bỏ phiếu kín; Hội đồng trao đổi thảo luận và xin biểu quyết với tỷ lệ từ 2/3 trở lên thành viên có mặt đồng ý đối với mỗi nhiệm vụ KH&CN thì được đưa vào danh mục nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp. Thư ký khoa học lập biên bản hội nghị kèm theo danh mục các nhiệm vụ KH&CN đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu làm cơ sở thực hiện bước tiếp theo; các yêu cầu cần điều chỉnh, bổ sung đối với từng nhiệm vụ KH&CN trong danh mục đạt yêu cầu (nếu có).

5. Trường hợp cần thiết, Sở KH&CN có thể trao đổi, xin ý kiến tư vấn của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN dự kiến đưa vào danh mục nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

6. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp, bao gồm các thông tin: Loại hình nhiệm vụ (đề tài KH&CN/đề án khoa học/dự án sản xuất thử nghiệm/dự án KH&CN), tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, nội dung và kết quả dự kiến, dự kiến thời gian thực hiện, tổ chức và cá nhân đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng; dự kiến phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

Điều 9. Thông báo danh mục, hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Thông báo danh mục các nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp. Sở KH&CN có trách nhiệm thông báo công khai danh mục các nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN và các phương tiện thông tin khác (nếu cần thiết); đồng thời gửi văn bản hướng dẫn tới các tổ chức, cá nhân đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng được biết để chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

Tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo hướng dẫn và các biểu mẫu kèm theo quy định này, bao gồm:

- a) Văn bản đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (Biểu B1-1-ĐƠN-VP);
- b) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì (*áp dụng đối với các tổ chức chủ trì không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội*).
- c) Thuyết minh đề tài (Biểu B1-2a-TMĐTCN-VP hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH-VP); thuyết minh dự án SXTN (Biểu B1-2c-TMDASX-VP); thuyết minh đề án (Biểu B1-2d-TMĐA-VP); thuyết minh dự án KH&CN (Biểu B1-2e-

TMTQ-DAKH-VP) hoặc được chuẩn bị theo biểu mẫu của từng chương trình KH&CN cấp tỉnh tương ứng (nếu dự án KH&CN thuộc chương trình KH&CN).

d) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Biểu B1-3-LLTC-VP).

đ) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm/đồng chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN-VP).

e) Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (Biểu B1-4-LLCN-VP), trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thuê chuyên gia).

f) Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Biểu B1-5-PHNC-VP).

g) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Báo giá được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trước thời điểm họp thẩm định kinh phí (nếu cần).

h) Báo cáo tài chính của 02 năm gần nhất của tổ chức chủ trì đã nộp các cơ quan quản lý theo quy định (*đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng vốn đối ứng của đơn vị chủ trì*).

i) Phương án huy động vốn đối ứng đối với các nhiệm vụ KH&CN phải có vốn đối ứng (*đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng vốn đối ứng của đơn vị chủ trì*). Cụ thể như sau:

- Trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ minh chứng tổ chức chủ trì có thể huy động được nguồn vốn tự có để thực hiện nhiệm vụ.

- Trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: Cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ.

- Trường hợp vay tổ chức tín dụng: Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực của tổ chức tín dụng đối với tổ chức chủ trì.

k) Tài liệu liên quan khác, nếu tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn và thẩm định nhiệm vụ.

3. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

a) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm 11 bộ hồ sơ (01 bản gốc và 10 bản sao) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14. Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và tên, mã số (nếu có) của chương trình đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì, tên chủ nhiệm nhiệm vụ.

- Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo, hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện. Địa chỉ nộp hồ sơ theo thông báo của Sở KH&CN Vĩnh Phúc, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN và các phương tiện thông tin khác (nếu cần thiết).

c) Ngày nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện gửi đến (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Sở KH&CN Vĩnh Phúc (trường hợp nộp trực tiếp).

d) Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp.

Việc thay hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định, các tài liệu bổ sung sau thời hạn nộp hồ sơ theo quy định không là bộ phận cấu thành của hồ sơ, trừ tài liệu quy định tại Điểm g và Điểm i Khoản 2 Điều này.

đ) Mở, kiểm tra, đánh giá và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp, Sở KH&CN có trách nhiệm thành lập tổ để mở, kiểm tra đánh giá và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ; đồng thời thông báo cho tổ chức nộp hồ sơ đối với hồ sơ không hợp lệ.

Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được nộp đúng thời hạn, chuẩn bị đúng, đủ các biểu mẫu và số lượng theo quy định. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản theo mẫu do Sở KH&CN hướng dẫn.

Điều 10. Tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo lĩnh vực

1. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc Phó Giám đốc Phụ trách trong trường hợp chưa có Giám đốc) quyết định thành lập và tổ chức các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp theo lĩnh vực để xem xét, đánh giá tính phù hợp, tính khả thi của hồ sơ đăng ký.

2. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, bao gồm các lĩnh vực:

- Khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ.

- Khoa học y, dược.

- Khoa học nông nghiệp.

- Khoa học xã hội và nhân văn.

a) Hội đồng tư vấn thuộc các lĩnh vực có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện là chuyên gia có kinh nghiệm hoặc là

người có chuyên môn sâu trong lĩnh vực mà nhiệm vụ được xem xét, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác, ngoài ra còn có 01 thư ký hành chính giúp việc. Căn cứ vào nội dung của mỗi nhiệm vụ KH&CN, Giám đốc Sở KH&CN quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng cho phù hợp, đảm bảo theo quy định.

Đối với các nhiệm vụ KH&CN quan trọng, phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở KH&CN có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định nêu trên cho phù hợp hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập.

b) Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất từ 2/3 trở lên số thành viên tham dự (phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền, các ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học tham dự). Hội đồng làm việc theo hình thức tập trung, trao đổi thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn và biểu quyết bằng phiếu và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình. Thư ký hành chính giúp Thư ký khoa học tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập biên bản làm việc của Hội đồng.

c) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị Sở KH&CN thành lập tổ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Cụ thể như sau:

Hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm:

- Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:
 - + Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12).
 - + Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24).
 - + Sản phẩm KH&CN (điểm tối đa 16).
 - + Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16).
 - + Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 16).
 - + Năng lực của tổ chức và các cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).
- Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án khoa học:
 - + Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12).
 - + Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (điểm tối đa 12).
 - + Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12).
 - + Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20).
 - + Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24).

- + Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).
- Dự án sản xuất thử nghiệm, Dự án KH&CN:
- + Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8).
- + Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24).
- + Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12).
- + Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16).
- + Phương án tài chính (điểm tối đa 24).
- + Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).

4) Tổ chức và cá nhân được Hội đồng tư vấn theo lĩnh vực kiến nghị đưa vào danh mục tổng hợp tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh để Hội đồng KH&CN biểu quyết thông qua khi đáp ứng các điều kiện: Có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm). Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên (1) tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tự đề xuất chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; ưu tiên (2) tuyển chọn hồ sơ có số thành viên đánh giá tổng mức kinh phí đề xuất phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cao hơn; ưu tiên (3) tuyển chọn hồ sơ có tổng số điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng; ưu tiên (4) tuyển chọn hồ sơ được nộp sớm hơn.

Điều 11. Thông qua danh mục tổng hợp tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hoạt động tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp của các hội đồng tư vấn theo lĩnh vực. Cơ quan Thường trực Hội đồng KH&CN tỉnh tổ chức họp Hội đồng để biểu quyết thông qua danh mục tổng hợp tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Hội đồng KH&CN do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập theo nhiệm kỳ và hoạt động theo Quy chế do UBND tỉnh ban hành. Sở KH&CN là cơ quan thường trực Hội đồng KH&CN tỉnh.

a) Thành phần Hội đồng KH&CN tỉnh, gồm có: Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực KH&CN, Giám đốc Sở KH&CN (trường hợp chưa có Giám đốc thì Phó giám đốc Phụ trách) là Phó chủ tịch thường trực Hội đồng, Thư ký khoa học của Hội đồng là lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở KH&CN, các thành viên khác của Hội đồng do các sở, ban, ngành, huyện, thành phố của tỉnh tiến cử trên cơ sở đề nghị của Sở KH&CN.

b) Phiên họp của Hội đồng KH&CN tỉnh được tiến hành khi có ít nhất từ 2/3 trở lên số thành viên tham dự (trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch thường trực và thư ký khoa học tham dự). Kết quả xác định nhiệm vụ KH&CN phải được thể hiện bằng phiếu và phải được từ 50% trở lên số thành viên của Hội đồng có mặt đồng ý thông qua danh mục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện

nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Thư ký khoa học tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập biên bản làm việc của Hội đồng.

2. Trường hợp nhiệm vụ có tính cấp thiết, theo yêu cầu đột xuất của tỉnh do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đặt hàng, các bộ, ngành Trung ương trực tiếp chỉ đạo thực hiện. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc Phó Giám đốc Phụ trách trong trường hợp chưa có Giám đốc) quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN, Tổ thẩm định tài chính, báo cáo Hội đồng KH&CN tỉnh thông qua, sau đó tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN phê duyệt.

3. Lấy ý kiến chuyên gia

a) Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở KH&CN lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập trước khi tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh mục tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đưa vào thực hiện.

b) Chuyên gia tư vấn độc lập phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có thâm niên công tác trong cùng lĩnh vực được mời tư vấn từ 05 năm trở lên.
- Có tư cách đạo đức tốt, có năng lực hành vi dân sự.
- Là người không có quan hệ thân thuộc, liên quan tài chính với tổ chức (cá nhân) thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 12. Thẩm định tài chính, kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Căn cứ Biên bản Hội đồng KH&CN tỉnh thông qua danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đề xuất đưa vào thực hiện. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN quyết định thành lập tổ thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN. Tổ thẩm định có từ 03-05 thành viên gồm: Tổ trưởng là Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đối với nhiệm vụ KH&CN tương ứng và một số thành viên khác.

2. Trên cơ sở Biên bản của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Biên bản Hội đồng KH&CN tỉnh và hồ sơ, thuyết minh nhận được. Tổ thẩm định kinh phí tiến hành thẩm định dự toán kinh phí các nhiệm vụ KH&CN theo các quy định: Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN- BTC ngày 30/12/2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ KH&CN Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN, ngày 22/04/2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ KH&CN Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; Quyết định số 27/2018/QĐ- UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Thông tư, Quyết định này (nếu có). Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định theo quy định và mẫu hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng KH&CN tỉnh thông qua danh mục tổng hợp tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tổ thẩm định tài chính phải tiến hành thẩm định xong các nhiệm vụ KH&CN.

Điều 13. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Căn cứ kết quả tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng KH&CN tỉnh thông qua; kết quả thẩm định kinh phí các nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực tế công tác quản lý nhà nước và triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định kinh phí, Sở KH&CN có trách nhiệm trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt cụ thể như sau:

1. UBND tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện đối với những nhiệm vụ KH&CN có tổng kinh phí ngân sách tỉnh cấp từ 300 triệu đồng trở lên.

2. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN phê duyệt kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện đối với danh mục nhiệm vụ KH&CN có tổng kinh phí ngân sách tỉnh cấp dưới 300 triệu đồng.

3. Danh mục nhiệm vụ KH&CN phê duyệt kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp bao gồm thông tin chính như sau: Loại hình nhiệm vụ (đề tài KH&CN/đề án khoa học/dự án sản xuất thử nghiệm/dự án KH&CN), tên nhiệm vụ, chủ nhiệm/đồng chủ nhiệm/ban chủ nhiệm, đơn vị chủ trì, nội dung, quy mô, sản phẩm KH&CN, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện, phương thức khoán chi, tổng mức kinh phí và mức kinh phí khoán.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Sở KH&CN có trách nhiệm thông báo văn bản tới các tổ chức, cá nhân trúng tuyển được biết để hoàn thiện hồ sơ (Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN).

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, tổ chức được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ (Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN) theo quy định, nộp về Sở KH&CN phê duyệt và ký hợp đồng.

6. Trường hợp tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp mà không có hồ sơ nào đủ điều kiện được chọn hoặc giao trực tiếp, Sở KH&CN tiếp tục thông báo tuyển chọn lần 2 theo trình tự thủ tục như lần 1. Nếu sau 02 lần tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp mà vẫn không có hồ sơ được chọn, UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN quyết định dừng việc tổ chức thực hiện đối với nhiệm vụ KH&CN, đồng thời thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN và các phương tiện thông tin khác (nếu cần thiết). Sở KH&CN có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh việc dừng việc tổ chức thực hiện đối với nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

Điều 14. Hủy quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong thời gian kể từ ngày quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

b) Vi phạm các yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 5 Quy định này.

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

Mục 2

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Điều 15. Phê duyệt thuyết minh, dự toán kinh phí và ký kết hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Căn cứ vào nội dung và tổng dự toán kinh phí đã được UBND tỉnh hoặc Sở KH&CN phê duyệt cho từng nhiệm vụ KH&CN. UBND tỉnh uỷ quyền cho Sở KH&CN phê duyệt thuyết minh kèm theo dự toán kinh phí chi tiết và ký hợp đồng cho từng nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 13 Quy định này.

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được các bên ký kết theo mẫu quy định tại Thông tư 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10/4/2014 của Bộ KH&CN ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư này (nếu có), quy định có liên quan.

Điều 16. Đình chỉ, chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. UBND tỉnh uỷ quyền cho Sở KH&CN xem xét, quyết định đình chỉ thực hiện Hợp đồng khi tổ chức, cá nhân chủ trì vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Các điều kiện quy định trong hợp đồng như: cơ sở vật chất, nguồn nhân lực thực hiện không đáp ứng yêu cầu, dẫn đến không có khả năng hoàn thành hợp đồng.

b) Thực hiện không đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng.

c) Sử dụng kinh phí sai mục đích.

d) Khi tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN vi phạm pháp luật.

2. UBND tỉnh uỷ quyền cho Sở KH&CN xem xét, quyết định chấm dứt hợp đồng trong trường hợp việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN của tổ chức, cá nhân gặp các yếu tố khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không thể thực hiện hợp đồng.

3. Căn cứ quyết định đình chỉ hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán hợp đồng theo các điều khoản đã ký giữa các bên và quy định của pháp luật hiện hành. Sở KH&CN có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh việc đình chỉ, chấm dứt hợp đồng theo quy định.

Điều 17. Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Việc Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN- BTC ngày 30/12/2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ KH&CN Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư này (nếu có).

Điều 18. Điều chỉnh quyết định, hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, trường hợp gặp các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tiến độ, nội dung, quy mô, phạm vi nghiên cứu, cần phải điều chỉnh quyết định đã phê duyệt hoặc hợp đồng thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải báo cáo cơ quan chủ quản và Sở KH&CN để được xem xét, điều chỉnh quyết định đã phê duyệt hoặc hợp đồng đã ký kết theo quy định.

2. Cấp nào ban hành quyết định phê duyệt hoặc ký kết hợp đồng thì cấp đó có trách nhiệm phê duyệt quyết định điều chỉnh hoặc điều chỉnh hợp đồng.

3. Đối với những nội dung, kinh phí được giao khoán, thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động và tự chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh trong phạm vi tổng mức kinh phí được giao khoán.

4. Tổng thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ không được nhiều hơn tổng thời gian đã được phê duyệt. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ phải được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng. Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

5. Việc điều chỉnh quyết định đã phê duyệt hoặc hợp đồng đã ký kết không được làm phát sinh tăng kinh phí, nhưng có thể điều chỉnh giảm kinh phí.

6. Các quyết định phê duyệt và các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh nhiệm vụ KH&CN là một bộ phận không tách rời của hợp đồng.

Điều 19. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thanh lý sau khi hoàn thiện đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Được Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức đánh giá xếp loại "Đạt" trở lên.
2. Có quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Sở KH&CN theo quy định tại Điều 25 của Quy định này.
3. UBND tỉnh uỷ quyền cho Sở KH&CN thanh lý Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Mục 3

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU, XỬ LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ, CÔNG NHẬN VÀ NHÂN RỘNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 20. Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ, kết quả của các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết.
2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm lập báo cáo về nội dung, tiến độ thực hiện, tình hình kinh phí đã sử dụng (bao gồm cả kinh phí từ ngân sách tỉnh và kinh phí ngoài ngân sách tỉnh) của nhiệm vụ KH&CN gửi về Sở KH&CN định kỳ 06 tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của Sở KH&CN.
3. Sở KH&CN tổ chức kiểm tra tiến độ theo định kỳ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN định kỳ hoặc đột xuất. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có thời gian thực hiện từ 2 năm (24 tháng) trở lên, Sở KH&CN tổ chức Hội đồng tư vấn, đánh giá giữa kỳ (nếu thấy cần thiết).

Điều 21. Đánh giá, nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Các nhiệm vụ KH&CN khi kết thúc thời gian thực hiện phải được đánh giá nghiệm thu ở hai (02) cấp, bao gồm: Sơ bộ cấp cơ sở và chính thức ở cấp tỉnh.

1. Nghiệm thu cấp cơ sở

- Thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thành lập hoặc trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN ở cấp cơ sở (*gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở*); đồng thời tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu ở cấp tỉnh.

- Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có từ 05-07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác.

- Căn cứ vào các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tiến hành trên cơ sở quyết định, thuyết minh, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản, tài liệu, sản phẩm có liên quan trong quá trình

thực hiện để Hội đồng tư vấn, đánh giá, nghiệm thu ở cấp cơ sở đối với nhiệm vụ KH&CN.

- Ngay sau khi nghiệm thu cấp cơ sở, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn và nộp cho Sở KH&CN để tiến hành nghiệm thu cấp tỉnh.

- Hồ sơ được Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở đánh giá xếp loại "Đạt" trở lên thì mới tiến hành nghiệm thu cấp tỉnh.

2. Nghiệm thu cấp tỉnh

Sau khi nhận được hồ sơ theo hướng dẫn, Sở KH&CN tổ chức Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật cho Giám đốc Sở KH&CN (hoặc Phó Giám đốc Phụ trách trong trường hợp chưa có Giám đốc) thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh) theo các lĩnh vực tương tự như quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này. Mỗi Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác, ngoài ra còn có 01 Thư ký hành chính giúp việc.

Đối với các nhiệm vụ KH&CN quan trọng, phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở KH&CN có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại Điểm a Điều này hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng.

- Căn cứ vào các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tiến hành trên cơ sở quyết định, thuyết minh, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản, tài liệu, sản phẩm có liên quan trong quá trình thực hiện để Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh nghiệm thu chính thức đối với nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

- Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ 2/3 trở lên thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

- Hội đồng thảo luận, chấm điểm và đánh giá xếp loại nhiệm vụ theo 4 loại: "Xuất sắc", "Khá", "Đạt", "Không đạt". Trường hợp nhiệm vụ được đánh giá xếp loại "Không đạt", Hội đồng cần xác định rõ các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để xử lý theo quy định hiện hành. Thư ký khoa học tổng hợp, công khai kết quả đánh giá và thông qua biên bản làm việc.

3. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu ở hai (02) cấp. Chi tiết do Sở KH&CN hướng dẫn, bao gồm các nội dung chính:

- Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh của tổ chức chủ trì (đối với hồ sơ nghiệm thu cấp tỉnh).

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đính kèm theo:

- + Biên bản Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở (đối với hồ sơ nghiệm thu cấp tỉnh).
- + Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã ký kết.
- + Thuyết minh nhiệm vụ đã phê duyệt.
- + Biên bản kiểm tra định kỳ/đột xuất/đánh giá giữa kỳ (nếu có).
- + Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.
- + Báo cáo thống kê các sản phẩm KH&CN.
- + Tài liệu khác: Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu... (nếu có).
- Phụ lục gắn toàn bộ các Báo cáo về sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ (cụ thể gồm: Các quy trình kỹ thuật công nghệ, các tài liệu, bản đồ, ảnh tư liệu, sách, báo cáo chuyên môn, ...).

- File điện tử lưu trữ toàn bộ kết quả nghiên cứu, báo cáo, tài liệu có liên quan.

4. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được vận dụng theo Điều 12 Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Thang điểm đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ở hai (02) cấp được tính theo thang điểm 100, với các tiêu chí đánh giá và mức điểm như sau:

- Đánh giá về tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ: Tối đa 15 điểm.

- Đánh giá về số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật: Tối đa 20 điểm.

- Đánh giá về nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học: Tối đa 25 điểm.

- Đánh giá về kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp: Tối đa 10 điểm.

- Đánh giá đối với sản phẩm là (i): mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ; hoặc là (ii): nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình và sản phẩm có liên quan); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập; hoặc là (iii): kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp

hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp: Tối đa 30 điểm.

6. Phương pháp đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ KH&CN ở hai (02) cấp.

Số điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu. Căn cứ vào số điểm, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được xếp loại như sau:

- Loại "Xuất sắc" có số điểm từ 90 đến 100 điểm.
- Loại "Khá" có số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm.
- Loại "Đạt" có số điểm từ 50 đến dưới 75 điểm.
- Loại "Không đạt" có số điểm dưới 50 điểm.

7. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá ở mức "Đạt" trở lên, ngay sau khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng và có sự xác nhận của cơ quan quản lý theo quy định.

8. Trường hợp tổ chức chủ trì nộp hồ sơ hợp lệ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ quá 06 tháng kể từ ngày hết thời gian thực hiện Hợp đồng hoặc kể từ ngày hết thời gian theo quyết định gia hạn thì nhiệm vụ được xếp loại "không đạt"; nếu quá 09 tháng kể từ ngày hết thời gian thực hiện Hợp đồng hoặc kể từ ngày hết thời gian theo quyết định gia hạn mà tổ chức chủ trì không nộp hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ thì Sở KH&CN xử lý như nhiệm vụ không hoàn thành do nguyên nhân chủ quan.

Điều 22. Xử lý tài chính đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh không hoàn thành

Đối với nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành, Sở KH&CN phối hợp các đơn vị có liên quan xác định nguyên nhân và số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 và Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc quy định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư, Quyết định này (nếu có).

Điều 23. Xử lý tài sản đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước sau khi kết thúc phải được xử lý theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số: 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định, Thông tư này (nếu có).

Điều 24. Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin, báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin, báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định về đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin tại Thông tư 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ KH&CN và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư này (nếu có).

Điều 25. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

- a) Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;
- b) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh theo mẫu hướng dẫn của Sở KH&CN;
- c) Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập (nếu có);
- d) Bản sao giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 24 Quy định này.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 26. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BKH&CN ngày 13/6/2014 của Bộ KH&CN và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư này (nếu có).

Chương III.

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 27. Trình tự xác định, tuyển chọn, phê duyệt nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ, xử lý tài chính, tài sản, đăng ký lưu giữ, công nhận và phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ cơ sở

1. Hàng năm, Thủ trưởng cơ sở thành lập hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, chủ động tự cân đối kinh phí để xem xét, phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN cơ sở.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cơ sở đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn sự nghiệp KH&CN tỉnh thì thủ trưởng cơ sở gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ để Sở KH&CN xem xét, phê duyệt.

3. Trình tự xác định, tuyển chọn, phê duyệt nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ, xử lý tài chính, tài sản, đăng ký lưu giữ, công nhận và phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ cơ sở và sử dụng các biểu mẫu tương ứng

theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ không trái với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 28. Chế độ thông tin báo cáo

Đối với nhiệm vụ cơ sở được hỗ trợ kinh phí từ nguồn KH&CN của tỉnh, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, kịp thời với thủ trưởng cơ sở và Sở KH&CN.

Chương IV.

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định danh mục các nhiệm vụ đặt hàng; tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Tổ chức thẩm định, tham mưu quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, kinh phí của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ; xem xét điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

4. Phối hợp với các ngành chức năng trong tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp KH&CN hàng năm.

5. Chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở (nếu có).

6. Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

7. Hướng dẫn và tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

8. Cung cấp thông tin, tài liệu về đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cho các bên liên quan theo yêu cầu;

9. Chủ trì và phối hợp với các bên liên quan chuyển giao kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN;

10. Lưu giữ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN theo quy định;

11. Báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

12. Tổ chức thẩm định dự toán và quyết toán các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh trước khi thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt; ký hợp đồng với thủ trưởng cấp cơ sở đối với những nhiệm vụ có hỗ trợ kinh phí cấp tỉnh.

13. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN các nội dung quy định về quản lý, xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai

thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành có liên quan.

14. Vận dụng các biểu mẫu hồ sơ, tài liệu, báo cáo có liên quan đến việc đề xuất, đề xuất đặt hàng, tư vấn xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả...theo quy định của Bộ KH&CN hoặc áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia trong từng giai đoạn cụ thể để hướng dẫn thống nhất thực hiện phục vụ công tác quản lý và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 30. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương giao hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ vào dự toán hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Quyết toán kinh phí theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư này (nếu có).

Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Phối hợp với Sở KH&CN trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp và Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Sở KH&CN.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ cấp tỉnh mà mình đã đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ do mình đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng về Sở KH&CN.

Điều 32. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở

1. Tạo dựng phong trào nghiên cứu khoa học, cải tiến công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống ở địa phương.

2. Chỉ đạo gắn các nhiệm vụ thuộc chương trình KH&CN cấp Nhà nước, cấp tỉnh với nhiệm vụ nghiên cứu của sở, ngành, địa phương, cơ sở mình; chỉ đạo việc nhân rộng kết quả nghiên cứu của đơn vị vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

3. Tổng hợp, báo cáo kết quả các nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng tiến bộ KH&CN đã thực hiện trong năm; rà soát, tổng hợp, thẩm định và đăng ký nhiệm vụ KH&CN năm tiếp theo với Sở KH&CN.

4. Phối hợp với Sở KH&CN trong việc đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cơ quan chủ trì là đơn vị trực thuộc.

5. Thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở để tổ chức thẩm định, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện ở cấp tỉnh và cấp cơ sở, gồm: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các Hội đồng KH&CN khác để tư vấn khi cần thiết.

6. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN triển khai các nội dung theo đúng tiến độ quy định.

7. Chịu trách nhiệm về kết quả nghiên cứu và hiệu quả của các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành, cấp huyện, cơ sở mình. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc ứng dụng, tuyên truyền nhân rộng các kết quả nghiên cứu.

8. Xem xét và phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã được Hội đồng KH&CN cấp cơ sở thông qua.

9. Ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

10. Tổ chức nghiệm thu, công nhận, công bố và đăng ký kết quả triển khai ứng dụng kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

11. Ban hành các văn bản, các quyết định cho phép chủ nhiệm nhiệm vụ thay đổi nội dung nghiên cứu cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoặc ra quyết định ngừng thực hiện hợp đồng trên cơ sở tham mưu, đề xuất của bộ phận quản lý (nếu có).

Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn của Tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Sở KH&CN.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc Tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản và được đồng ý cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở KH&CN; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở KH&CN và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở KH&CN; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở KH&CN theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (nếu có).

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khác.

12. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

13. Cùng chủ nhiệm nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

14. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định.

15. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 34. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo khoa học và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

7. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu KH&CN. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm KH&CN và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

8. Cùng tổ chức chủ trì nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyên giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

Điều 35. Trách nhiệm của tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện đối với các hồ sơ nhiệm vụ được cung cấp.

2. Có ý kiến về những nội dung đánh giá, các yêu cầu cần bổ sung hoàn thiện và hoàn thành báo cáo tư vấn theo yêu cầu nội dung tư vấn về nhiệm vụ.

3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập phải giữ bí mật thông tin về nhiệm vụ được giao.

4. Không được trao đổi với chủ nhiệm, tổ chức chủ trì nhiệm vụ về các vấn đề có liên quan đến nội dung, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 36. Trách nhiệm của thành viên các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Thành viên các Hội đồng có trách nhiệm

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét về nhiệm vụ theo yêu cầu trên phiếu nhận xét về Sở KH&CN trước khi tổ chức họp Hội đồng.

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc nhận xét, đánh giá.

c) Nhận xét, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại Khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm sau:

a) Báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá của Hội đồng theo yêu cầu của cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN.

b) Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

3. Thư ký khoa học ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại Khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

1. Sở KH&CN có trách nhiệm ban hành và hướng dẫn chi tiết hệ thống biểu mẫu để thực hiện các nội dung trong công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN, chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đang thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện các bước tiếp theo theo Quy định này.

3. Sở KH&CN tham mưu UBND tỉnh, Bộ KH&CN khen thưởng định kỳ, đột xuất cho tổ chức, cá nhân thực hiện xuất sắc trong công tác quản lý, thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nhiệm vụ nêu vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi Quy định cho phù hợp trên cơ sở đề nghị của Sở KH&CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trì